

# HIỆN TƯỢNG HỘI NHẬP VĂN HOÁ DƯỚI THỜI LÝ- TRẦN NHÌN TỪ MỘT TRUNG TÂM PHẬT GIÁO TIÊU BIỂU: QUỲNH LÂM

NGUYỄN HUỆ CHI<sup>(\*)</sup>

1. Khảo sát hiện tượng "hội nhập văn hoá" tại một trung tâm Phật giáo có vị trí quan trọng vào hàng nhất nhì dưới thời Lý - Trần như chùa Quỳnh Lâm (thuộc huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh) không chỉ giúp ta một cứ liệu để hiểu biết thêm bản sắc Phật giáo Việt Nam vào giai đoạn thịnh trị của nó mà còn rộng hơn, qua đây hiểu được cái khí hậu tư tưởng của thời đại, tức là những điều kiện cốt yếu tạo nên các phương thức giao lưu, chung sống giữa nhiều dòng văn hoá khác biệt trong đời sống xã hội Việt Nam ở giai đoạn lịch sử rực rỡ này. Về mặt khái niệm, cũng cần nói rõ, cái gọi là "hội nhập văn hoá" ở đây tức là hội nhập giữa những thành tố Phật, Đạo và Nho - vốn là 3 hệ tư tưởng không cùng gốc và có sự đối nghịch với nhau, nhưng được du nhập vào đời sống tinh thần của người Việt từ sớm, và với thời gian, đã mặc nhiên trở thành các hệ giá trị văn hoá dân tộc, nhất là Phật giáo và Đạo giáo, mặc dù cho đến thế kỉ X, chính quyền đô hộ Trung Quốc vẫn ngấm ngấm hoặc công khai lấy Nho giáo làm chỗ dựa. Tất nhiên, đặt trong bối cảnh của một trung tâm Phật giáo thì văn hoá Phật giáo phải đóng vai trò chủ thể trong sự "hội nhập" ấy. Nhưng xét bản chất giáo lí cũng như cách thức truyền bá giáo lí, Phật giáo không lấy sự kì thị và cưỡng chế làm cứu cánh mà lấy hòa đồng làm cứu cánh<sup>(1)</sup>, do đó cũng có thể nói mối quan hệ cộng hưởng giữa Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo trong phạm vi nhà chùa thời Lý - Trần đã diễn ra một cách hồn nhiên, tự nó,

do khả năng thu hút, hoán cải, hoặc ảnh hưởng lẫn nhau, thâm nhập vào nhau đến một chừng mực nào đấy mà có, chứ không bị lợi ích thực tiễn của một thế lực nào chi phối, làm cho méo mó.

2. Nói như thế không có nghĩa là bỏ qua đi một điều kiện quan trọng làm nhân tố tích cực cho cuộc hội nhập này: đó là quan điểm chính trị cởi mở của các chính quyền nhà nước dưới thời Lý - Trần. Cách hiểu mấy chữ "quan điểm chính trị cởi mở" cũng cần được xác định. Đây không phải là lòng tốt cá biệt, tự phát của một vị vua nào, muốn chứng tỏ rằng mình có bụng khoan hòa, và triều đại mình là thịnh trị, nên cho phép thần dân được tùy ý thiên Nho hay trọng Đạo. Mà quan điểm chính trị cởi mở nói ở đây là tư tưởng chung quán xuyên nhiều triều đại, do bản lĩnh và sự miễn cảm phi thường của người nắm vận mệnh đất nước thấu hiểu được các yêu cầu của lịch sử, và cũng được cụ thể hóa bằng các chủ trương, chính sách của triều đình. Nhờ thế, nó có tác dụng cố kết lòng dân, giải tỏa dân mọi ứ chế, ổn định tâm lí xã hội, và đưa các hệ thống giáo lí vốn rất xa cách kia xích lại gần nhau.

---

\*. GS. Viện Văn học.

1. Phật giáo cũng có lúc cưỡng chế các tôn giáo khác, như Trần Nhân Tông từng đi các nơi kêu gọi phá bỏ đăm từ (*Đại Việt sử kí toàn thư*), nhưng chỉ là cá biệt.

Dưới thời nhà Lý, các triều đại vua đều rất tôn sùng đạo Phật, nhưng cũng biết đánh giá cao địa vị của Đạo giáo và cả những tín ngưỡng lâu đời trong dân, như tục thờ "thần thiêng" ở những nơi ghềnh cao vực thẳm. Triều đình vừa cho dựng chùa, lập quán, xây dựng đền miếu, vừa cấp độ điệp cho sư sãi, đặt giai phẩm cho tăng đạo, lại sắc phong cho hàng loạt vị thần<sup>(2)</sup>. Câu chuyện về cuộc hội kiến giữa Thiên sư Giác Hải, Đạo sĩ Thông Huyền với vua Lý Nhân Tông còn để lại một truyền thuyết lí thú và một bài thơ thù tạc rất đẹp lời của nhà vua mà sách *Thiên uyển tập anh* và *Nam Ông mộng lục* còn ghi lại:

*Giác Hải lòng như biển,  
Thông Huyền đạo rất huyền  
Thần thông kiêm biến hóa,  
Một Phật một thần tiên*<sup>(3)</sup>.  
(Phạm Trọng Điềm dịch)

Song điều cần nhớ là nhà Lý cũng chính là một triều đại bắt đầu xây nền đắp móng cho đạo Nho. Việc nhà nước cho dựng văn miếu năm 1070, và mở trường Quốc Tử Giám 5 năm sau đó, nói lên rằng Nho giáo đã được nhận thức đúng vai trò, trong yêu cầu xây dựng một bộ máy quản lí hành chính ngày càng hoàn bị.

Còn các vua Trần thì không những lo củng cố Phật giáo, tổ chức nên một Giáo hội Phật giáo thống nhất từ triều đình đến thôn xã, không những lo kiện toàn các khoa thi Nho giáo để đào tạo nhân tài, mà điều quan trọng là còn biết chuẩn bị nền tảng cho sự ra đời của một đội ngũ thượng lưu trí thức vừa giỏi Nho vừa tinh thông cả Đạo và Phật, đáp ứng được mọi yêu cầu đa dạng của đời sống chính trị, xã hội và cả cái nhu cầu vi diệu của tâm linh. Ta đã biết nhà Trần thường mở các khoa thi Tam giáo, nhưng hình như chưa mấy ai băn khoăn rằng các khoa thi này mở ra là cốt để cho ai? Người tu hành hay người thế tục? Nếu là mở cho giới tu hành thì thực vô lí, vì có ai lại đi kiểm tra một nhà sư về giáo lí của

Nho và Đạo vốn không hề có trong các khóa lễ nhà chùa. Chỉ có thể nghĩ rằng khoa thi Tam giáo là mở ra cho người làm chức việc của triều đình: để họ có một tri thức tổng hợp, và khỏi rơi vào lúng túng, đơngiản khi khu xử việc đời, mà chắc chắn trong sinh hoạt của dân chúng suốt bấy giờ việc đời cũng xuyên chéo với việc đạo. Ngay từ đời Trần Thái Tông, quan điểm dung hợp cả Phật và Nho đã được ông phát biểu rất rõ: "Trẫm thâm nhủ: Phật không chia Nam Bắc, đều có thể tu mà tìm; tính người có trí ngu, cùng nhờ giác ngộ mà thành đạt. Vì vậy, phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng rõ lẽ tử sinh, ấy là đại giáo của Đức Phật. Đặt mục thước cho hậu thế, làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh (Nho). Cho nên Lục Tổ có nói: "Bậc đại thánh (Nho) và đại sư (Phật), đời trước không có gì khác nhau". Như thế đủ biết đại giáo của Đức Phật ta phải nhờ tiên thánh mà truyền lại cho đời. Thế thì nay lẽ nào Trẫm không coi trách nhiệm của tiên thánh là trách nhiệm của mình, giáo lí của Đức Phật là giáo lí của mình ư?" (Tựa *Thiên tông chỉ nam* - Nguyễn Đức Vân và Băng Thanh dịch)<sup>(4)</sup>. Sau này, đến đời Trần Nhân Tông, nối chí ông nội, đánh xong giặc Nguyên Mông ít lâu bèn cởi áo hoàng bào đi tu, làm vị tổ đầu tiên của Giáo hội Trúc Lâm Yên Tử; nhưng ông vẫn không quên kiên nhẫn rèn luyện phẩm cách một bậc "nhân nhân quân tử" cho ông vua kế vị<sup>(5)</sup>, và nêu cao

2. Xem: *Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, kỉ nhà Lý, các quyển II, III, IV.

3. *Thơ văn Lý - Trần*, tập I. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977.

4. *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển thượng. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.

5. Như việc Trần Nhân Tông bắt gặp Trần Anh Tông đang say rượu trong cung vào năm 1299, đã họp quần thần ở phủ Thiên Trường vờ bàn định phế truất, để răn con cảnh tỉnh. Xem *Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển VI. Bản dịch Cao Huy Giu, tập II. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972; tr.84.85.

nghĩa khí nhà Nho của hàng ngũ bề tôi rường cột của triều đình; mặt khác, ông cũng lo tổ chức cho nhiều đại thần công khanh thụ giới Ưu bà tắc, tức là không xuất gia nhưng vẫn làm Phật tử tại gia. Đặc biệt, chủ trương dung hợp Nho, Phật, Đạo của các vua Trần thời này lại không hề đi kèm với những biện pháp cứng rắn, mệnh lệnh, mà được thực hiện khá uyển chuyển, lấy việc thuyết phục và tự nguyện làm phương châm hàng đầu. Khi vua Trần Anh Tông (1293-1320)<sup>(6)</sup> viết bài thơ *Chiêu ẫn* rủ Nguyễn Trung Ngạn đi tu, ông không theo, nhà vua cũng không ép. Và Trần Thì Kiến, một vị đại thần khác, có lẽ đã nói lên được cái ý nghĩa sâu xa của việc dung hợp Phật - Nho bằng những câu thơ thâm thúy:

*Rừng suối phải đâu là đại ẫn,  
Chùa nhà ấy mới thực chân tu<sup>(7)</sup>.  
(Tặng An Lăng tự Phổ Minh Thiên Sư -  
Nguyễn Đổng Chi dịch).*

Chính là một sự chuẩn bị tốt đẹp như trên mà đến khoảng đời Trần Minh Tông (1314 - 1357), một tầng lớp sĩ phu đông đảo với tất cả cốt cách tài hoa, sự sắc sảo năng động, biết ứng phó trước mọi tình thế, đã xuất hiện ô ạt như một *lực lượng xã hội định hướng* (groupe social d' orientation), làm rường cột cho sự phát triển của đất nước mà *Đại Việt sử ký toàn thư* phải gọi là "nhân tài đầy rẫy"<sup>(8)</sup>, và Lê Quý Đôn cũng nhắc đến với lòng kính trọng: "Bởi vì nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi mà không bó buộc, hoà nhã mà có lễ độ, cho nên nhân vật trong một thời có chí khí tự lập, hào hiệp, cao siêu, vững vàng, vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ sử sách"<sup>(9)</sup>. Lê Quý Đôn tuy hình dung họ như những gương mặt nhà Nho tiêu biểu, nhưng muốn hiểu được sức mạnh tinh thần của những con người ấy, chắc chắn phải nhìn sâu hơn vào những nhân tố nhiều mặt kết hợp bên trong một tổng lực thâm hậu - mà phải trải qua một quá trình mới có thể tạo nên được.

3. Trở lại với câu chuyện chùa Quỳnh Lâm. Có một chi tiết được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép mà nhiều người đã sơ ý bỏ qua, là cũng khoảng đời Trần Minh Tông, chùa Quỳnh Lâm từng có một vị "Giám tự" nổi tiếng "bài Phật": Trương Hán Siêu, một nhà Nho nhiều uy tín<sup>(10)</sup>. Chế độ Giám tự là dành cho các loại chùa "quốc tự" - chùa công, do nhà nước quản lí. Ta không rõ triều đình cử Trương Hán Siêu trông coi chùa Quỳnh Lâm là với dụng ý gì, nhưng chắc chắn không phải muốn lợi dụng tư tưởng bài Phật của ông để gây áp lực với nhà chùa, bởi Quỳnh Lâm lúc đó nằm trong số vài ba Thiền viện danh tiếng đếm được trên đầu ngón tay, mà cả hoàng đế lẫn vương hầu đều rất tin cậy. Vậy thì, cũng như điều đã luận giải, chỉ có thể hiểu rằng khi cử Trương Hán Siêu về đây, triều đình nhà Trần đã không nghĩ phải có sự đồng nhất về chính kiến, quan điểm mới đủ tiêu chuẩn. Đối với họ, chính kiến cá nhân là một chuyện, mà trách vụ triều đình lại là một chuyện khác. Mặt nữa, biết đâu các vua Trần đã không có dụng ý đưa một nhà Nho kích bác Phật giáo như Trương Hán Siêu đến hoà nhập vào cộng đồng Phật giáo tại chùa Quỳnh Lâm để nhờ đó, thanh lọc bớt tư tưởng cực đoan vốn có nơi ông. Nếu quả như vậy thì dụng ý của nhà vua đã đạt được một kết quả khả quan. Trong vòng mấy năm cuối đời, tư tưởng Trương Hán Siêu dường như đã có *chiều thay đổi*:

*Đời lệnh đênh trước khác nay,  
Thân nhàn mới biết trước ngày lâm to<sup>(11)</sup>.  
(Dục Thúy Sơn - Trần Văn Giáp dịch)*

6. Chúng tôi tính cả thời gian những ông vua này đã lên làm Thái Thượng hoàng.

7. *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển thượng; Sđd.

8. Xem: *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch đã dẫn; tr.125.

9. *Kiến văn tiểu lục*; "Tài Phẩm". Phạm Trọng Diễm dịch. Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962; tr. 303.

10. Xem: *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch đã dẫn; tr. 156-157. Việc này phải xảy ra sau năm 1342 vì được chép sau việc ông giữ chức ở trấn Lạng Giang ( vào năm 1342).

11. *Thơ văn Lý - Trần*, tập II, quyển thượng; Sđd.

Rõ ràng, không thể không thừa nhận sự cởi bỏ những ràng buộc khắt khe về một hệ tư tưởng độc chuyên nào đấy, một thứ tôn giáo độc trị nào đấy, nhằm đi đến một sự hỗn dung, điều hòa, đa dạng về tư tưởng, là một thực tế có ý nghĩa tích cực ở thời Lý - Trần, đã giúp cho hiện tượng hội nhập văn hoá thời Lý - Trần, ngay từ trong mỗi con người cụ thể, mỗi địa bàn sinh hoạt văn hoá cụ thể, cho đến đời sống cộng đồng nói chung, đều diễn biến chóng vánh, thuận lợi, nhịp nhàng và sinh sắc hơn. Trong các kết quả tích cực đó tất nhiên có sự hội nhập văn hoá ở chùa Quỳnh Lâm.

4. Nhưng ngày nay, muốn xem xét cụ thể sự hội nhập văn hoá ở trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm dưới thời Lý - Trần, ta khó lòng dựa vào các nguồn tài liệu trực tiếp, chẳng hạn dấu tích thờ cúng, kinh sách tụng niệm, các loại bi kí, hệ thống tượng cổ, và kiến trúc chùa chiền... Những tài liệu này đã bị huỷ hoại khá triệt để sau bao nhiêu thế kỉ chiến tranh và tàn phá. Ta chỉ có thể sử dụng một phương pháp gián tiếp: lần theo dấu chân những người tiêu biểu đã từng gắn tên tuổi của mình vào lịch sử ngôi chùa, và thông qua hành trạng, tư tưởng, và thơ văn của họ mà kiểm xét các dấu ấn văn hoá họ đã mang tới cho chùa Quỳnh Lâm. Dựa vào tục "truyền đăng" (nối đèn tổ) của Phật giáo, ta có thể tin là những con người này, nếu quả là những nhân vật có bản sắc phi phạm, thì nhất định thế nào cũng để lại một ảnh hưởng đậm nét, ít nhất là dăm ba thế hệ những người kế thế. Và công phu bồi đắp của họ, trước sau dần dà sẽ làm cho các lớp nền văn hoá hội tụ lại ở chùa Quỳnh Lâm ngày một dày thêm mãi. Ở đây, ta chỉ giới hạn một số nhân vật đã có mặt tại chùa Quỳnh Lâm vào thời Lý - Trần.

Người thứ nhất đến với chùa Quỳnh Lâm không được chính thức ghi trong sách vở thực lục của nhà nước Đại Việt, nhưng lại được nhiều truyền thuyết dân gian lưu lại, là một vị sư đời Lý: Không Lộ. Tương truyền ông là người có công khởi dựng chùa

Quỳnh Lâm vào giai đoạn đầu. Ngay tấm bia lớn trước cổng chùa, tuy văn bản bị khắc lại rất lủng củng, vẫn còn những dòng chữ xác nhận công lao của con người này từng đúc nên pho tượng Di Lặc cao 6 thước 6 thước tại chùa Quỳnh<sup>(12)</sup>. Theo *Thiên uyển tập anh* thì Không Lộ Thiên sư là vị Thiên sư thuộc thế hệ thứ chín dòng Thiên Vô Ngôn Thông. Nhưng theo hành trạng của Không Lộ ở trong cả một hệ thống tài liệu phônclô (folklore) tồn tại từ thời Lý - Trần đến nay<sup>(13)</sup>, thì ông lại là người có nhiều phép thuật. Ở đây, ông gắn bó như hình với bóng với một cái tên khác: Nguyễn Minh Không - người đã từng chữa cho vua Lý Thần Tông khỏi căn bệnh hiểm nghèo hóa hổ. Có thể thấy Nguyễn Minh Không phônclô hoá chính là con số cộng giữa một *Không Lộ Thiên tông* và một *Không Lộ Mật tông* mà có. Nhưng có phần chắc, điểm xuất phát đầu tiên của cái thần lực siêu việt của vị sư Minh Không này chính là nguồn tín ngưỡng bản địa rất phong phú trong đời sống người Việt, nó không tách rời khỏi mọi thứ bùa chú dân gian, cũng như về mặt tư tưởng, nó thấm đậm triết lí dân gian của dân tộc Việt Nam. Rất có thể là với Không Lộ hay còn sớm hơn thế, cũng đã bắt đầu hình thành lễ hội chùa Quỳnh Lâm, vì một lễ hội Phật giáo bao giờ cũng thu hút tinh túy từ trong phong tục các lễ hội dân gian thời cổ đại, mà dễ thấy nhất là triết lí phồn thực, gửi gắm khát vọng sinh sôi nảy nở không ngừng của con người sống trên địa bàn trồng lúa nước, và cái cảm hứng thiêng liêng, thần thánh, trước vẻ đẹp bất tận của sinh thành. Một vài bài ca dao, thơ vịnh còn truyền tụng ở vùng quanh chùa Quỳnh cho thấy Phật giáo đã không ngại tiếp thu cái

12. Xem văn bia *An Nam cổ tích danh lam đệ nhất Quỳnh Lâm Phật thiên trụ quốc triều bi kí*. Sách *Hải Dương dư địa chí* thì nói Không Lộ đúc tượng đồng cao 8 thước 5 tấc. Bệ và tòa sen cũng cao như vậy.

13. Xem: *Lĩnh Nam chích quái* và *Nam Ông mộng lục*.

phần phóng khoáng, cởi mở, rất "người" ấy trong các lễ hội phồn thực dân gian, dân tộc, trộn lẫn nó với các nghi thức tôn giáo, khiến cho lễ hội chùa Quỳnh có sức thu hút vô số nam thanh nữ tú, gây được tiếng vang xa rộng và được duy trì đến mãi gần đây:

*Nức tiếng Quỳnh Lâm khắp xứ Đông,  
Ai qua không đứng lại mà trông.  
Tháp cao chín đợt màu mây ám,  
Chùa rộng trăm gian gác ngửa lông.  
Trước điện thông reo cùng trúc múa,  
Trong am khánh đá với chuông đồng.  
Vua tu Phật hóa vui vui nhỉ,  
Chả trách ngày xưa gái lộn chồng<sup>(14)</sup>*

Bên cạnh triết lí phồn thực, các truyền thuyết chung quanh Không Lộ còn mang đến cho sinh hoạt Phật giáo Quỳnh Lâm một mảng văn nghệ dân gian chứa đựng không ít ý nghĩa thâm thúy, và có những phần tương đồng về mặt loại hình với văn nghệ dân gian ở những vùng khác. Trong kho truyền thuyết, cổ tích của nhân dân ta, có một loại truyện thường dùng thủ pháp khuếch đại nhưng không hẳn là ảo hóa mà tạm gọi là "phép thắng lợi tinh thần". Cốt lõi sâu xa của loại truyện này vẫn là bản chất lạc quan pha chút hài hước của con người nông dân, muốn phản ánh cái ước vọng đôi khi chỉ là một ảo vọng về một hiện thực mà mình muốn chiếm lĩnh, nhưng trên thực tế lại thường diễn ra ngược lại. Triết lí này càng dễ lan xa, dễ ăn sâu vào cảm quan nghệ thuật của đại chúng khi đặt trong trường kì lịch sử, dân tộc chúng ta luôn luôn phải ở vào tình thế đối phó với một kẻ thù phương Bắc mạnh hơn mình gấp bội, nên để

giành cái "được" cơ bản, lúc này lúc khác không thể không cam nhận cái "mất" ít cơ bản hơn. Câu chuyện Nguyễn Minh Không mang một cái túi khổng lồ, thu gom đồng ở Trung Quốc mang về nước đúc nên "An Nam tứ khí" mà tượng Phật Quỳnh Lâm ở trong số đó, không hiểu nguyên ủy thế nào (có thể thuộc loại truyện anh hùng lực sĩ thời khuyết sử còn để dấu vết lại), nhưng từ bình diện triết lí dân gian thâm thúy như đã nói, thì phải chăng đáng được xếp vào loại biểu tượng "nghịch đảo" kiểu này: cái gì đạt được trong nghệ thuật tức là không đạt được trong thực tế, hoặc tệ hơn nữa, trong thực tế nó đã mất đi. Bởi vậy, lời gửi gắm sâu kín trong câu chuyện có giá trị như một ước nguyện cao sâu của nhiều đời, một sự nhắc nhở lâu dài đối với các thế hệ con cháu, mà đến nay xem ra vẫn còn nguyên ý nghĩa thời sự.

Tóm lại, với hệ thống truyền thuyết bao quanh Nguyễn Minh Không hay Không Lộ, với những thơ văn, truyện dân gian còn giữ được xung quanh lễ hội chùa Quỳnh, quả thực có một lớp nền văn hoá bồi đắp nên bề dày đầu tiên của trung tâm Phật giáo Quỳnh Lâm cần được chúng ta chú ý: lớp nền văn hoá phồnclo bản địa cổ truyền mà dòng Phật giáo dân gian hóa từ rất xa xưa đã biết tiếp thu, thừa hưởng khá trọn vẹn./.

*(Kì sau đăng tiếp).*

14. Tài liệu sưu tầm của Tố Như và Phạm Đức Hoàn. Chúng tôi có đối chiếu và khảo đính giữa hai dị bản.